

Số: 221/ĐHBK-ĐT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo và học vụ bậc đại học, cao đẳng ban hành kèm theo Quyết định số 3502/ĐHBK-ĐT ngày 25/11/2015 và được sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 553/ĐHBK-ĐT ngày 07/03/2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Bách Khoa - Đại học Quốc Gia Tp.HCM

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Bách Khoa – Đại học Quốc Gia Tp.HCM ban hành kèm theo Quyết định số 767/QĐ-ĐHQG-TCCB ngày 12/9/2006 và Quyết định số 803/QĐ-ĐHQG-TCCB ngày 16/7/2009 của Giám Đốc Đại học Quốc Gia Tp. Hồ Chí Minh về việc phê duyệt việc sửa đổi, bổ sung Điều 15 Quy chế về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Bách Khoa;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Giám đốc Trung tâm Ngoại ngữ;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đào tạo và học vụ bậc đại học, cao đẳng ban hành kèm theo Quyết định số 3502/ĐHBK-ĐT ngày 25 tháng 11 năm 2015 và được sửa đổi, bổ sung Quyết định số 553/ĐHBK-ĐT ngày 07 tháng 03 năm 2017 của Hiệu trưởng trường Đại học Bách Khoa - Đại học Quốc Gia Tp.HCM, như sau:

1. Khoản 3 Điều 9 được sửa đổi, bổ sung như sau:

”9.3 Số tín chỉ/môn học tối thiểu trong một học kỳ chính

Để duy trì trạng thái SV và không bị tạm dừng, SV phải đăng ký môn học với khối lượng học tập tối thiểu là:

- 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ chính, trừ các học kỳ sau thời gian đào tạo theo kế hoạch (Xem Điều 5) và trừ các học kỳ học tiếng Anh của chương trình đào tạo bằng tiếng Anh. Riêng SV có học lực yếu thì tối thiểu là 10 tín chỉ.

- 01 môn học cho mỗi học kỳ chính đối với các học kỳ sau thời gian đào tạo theo kế hoạch.

Lưu ý: Riêng số tín chỉ tối thiểu để được xét học bổng khuyến khích học tập được quy định riêng (Xem quy định về học bổng khuyến khích học tập). SV có đăng ký môn học nhưng có ĐTBHK bằng 0 sẽ bị xử lý buộc thôi học do tự ý nghỉ học (Xem 27.2).”

2. Phụ lục 1 được sửa đổi, bổ sung như sau:

"Phụ lục 1: Quy định về ngoại ngữ (áp dụng cho các chương trình giảng dạy bằng tiếng Việt)

1. Kiểm tra trình độ tiếng Anh khi nhập học

- SV phải dự kiểm tra trình độ tiếng Anh (theo định dạng TOEIC) do PĐT tổ chức sau khi nhập học để xếp lớp Anh văn phù hợp với trình độ (không được hủy hoặc rút môn học), nếu đạt kết quả cao sẽ được xét miễn học và ghi điểm miễn.
- Các SV đã có chứng chỉ Anh văn (CCAV) đạt yêu cầu có thể không tham dự kỳ kiểm tra và được đăng ký chuyển điểm cho các môn Anh văn vào cuối mỗi học kỳ (xem mục 5).
- Các SV không tham dự sẽ không được xếp TKB các môn Anh văn nhưng vẫn được xếp TKB các môn học khác theo chương trình đào tạo.

Cách xếp lớp Anh văn

Điểm kiểm tra	Xếp lớp	Miễn học và ghi điểm miễn
< 300	Anh văn cơ bản	
300 – 345	Anh văn 1	
350 – 395	Anh văn 2	Anh văn 1
400 – 445	Anh văn 3	Anh văn 1, 2
450 – 495	Anh văn 4	Anh văn 1, 2, 3
≥ 500		Anh văn 1, 2, 3, 4

2. Chuẩn tiếng Anh trong quá trình học:

a) SV phải đạt các chuẩn tiếng Anh sau mỗi năm học để được đăng ký các môn học tiếp theo:

SV phải đạt chuẩn tiếng Anh sau năm 1, 2, 3 để được đăng ký các môn học thuộc CTĐT năm 2, 3, 4 (tương ứng). Riêng các môn đại cương, chính trị, pháp luật, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng không yêu cầu chuẩn tiếng Anh.

Trường hợp SV không đạt chuẩn tiếng Anh sau năm 1 thì sẽ không được đăng ký các môn học thuộc CTĐT năm 2, 3 và 4, mà chỉ được đăng ký các môn học thuộc CTĐT năm 1 và các môn môn đại cương, chính trị, pháp luật, giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng. Tương tự cho trường hợp không đạt chuẩn tiếng Anh sau năm 2, 3.

b) Để đạt chuẩn tiếng Anh sau mỗi năm học, SV cần đạt ít nhất một trong ba điều kiện sau:

- Đã hoàn thành (đạt điểm từ 5 trở lên hoặc điểm miễn MT) môn Anh văn (theo Bảng quy định ở mục c)

- Đăng ký dự kỳ kiểm tra tiếng Anh định kỳ (theo định dạng TOEIC) do PĐT tổ chức hoặc kỳ kiểm tra xếp lớp tiếng Anh khi nhập học và đạt mức điểm theo Bảng quy định ở mục c.
- Đạt chứng chỉ tiếng Anh quốc tế (TOEIC, TOEFL iBT, TOEFL ITP, IELTS, BULATS, KET, PET, FCE, CAE) hoặc chứng chỉ VNU-EPT với mức điểm theo Bảng quy định ở mục c.

Xem hướng dẫn cách đăng ký nộp chứng chỉ ngoại ngữ và cách đăng ký tham dự trình độ tiếng Anh trên trang web PĐT.

c) Bảng quy định chuẩn tiếng Anh sau mỗi năm học:

Áp dụng từ khóa 2015 trở về trước:

Bậc, hệ đào tạo	Chuẩn tiếng Anh sau năm 2
Đại học chính quy (CT đại trà; CT Kỹ sư tài năng) Cao đẳng chính quy	250
Đại học VLVH, ĐTTXa	250 hoặc đạt môn AV250

Áp dụng từ khóa 2016 trở về sau:

Bậc, hệ đào tạo	Chuẩn tiếng Anh sau năm 1	Chuẩn tiếng Anh sau năm 2	Chuẩn tiếng Anh sau năm 3
Đại học chính quy (CT đại trà; CT Kỹ sư tài năng)	250	350 hoặc đạt môn Anh văn 1	400 hoặc đạt môn Anh văn 2
Cao đẳng chính quy	250	300	-
Đại học VLVH, ĐTTXa	-	250 hoặc đạt môn AV250	300 hoặc đạt môn AV300

Các mức điểm trong bảng trên là điểm tối thiểu phải đạt từ kết quả kỳ kiểm tra trình độ tiếng Anh khi nhập học, kỳ kiểm tra tiếng Anh định kỳ (theo định dạng TOEIC) do PĐT tổ chức, chứng chỉ TOEIC (Listening & Reading) hoặc các chứng chỉ tương đương khác được quy định tại mục 4.

- Riêng SV Lào và Campuchia, không có yêu cầu về chuẩn ngoại ngữ trong quá trình học nhưng vẫn phải hoàn thành các môn Anh văn có trong chương trình đào tạo.

3. Chuẩn tiếng Anh khi nhận Luận văn tốt nghiệp (LVTN) và khi tốt nghiệp

a) SV phải đạt chuẩn tiếng Anh để được nhận LVTN và xét tốt nghiệp:

SV phải có chứng chỉ ngoại ngữ tiếng Anh quốc tế (TOEIC, TOEFL iBT, TOEFL ITP, IELTS, BULATS, KET, PET, FCE, CAE) hoặc chứng chỉ VNU-EPT đạt chuẩn để đủ điều kiện nhận LVTN và xét tốt nghiệp.

Bậc, hệ đào tạo	Chuẩn tiếng Anh nhận LVTN	Chuẩn tiếng Anh xét tốt nghiệp
Đại học chính quy (CT đại trà)	450	450 (từ K.2009 đến K.2014) 500 (từ K.2015 trở đi)
Đại học chính quy (CT Kỹ sư tài năng)	450	450 (K.2009, K.2010) 500 (K.2011, K.2012) 550 (từ K.2013 trở đi)

Cao đẳng chính quy	350	400
Đại học VLVH, ĐTTXa	350 hoặc đạt môn AV350	400 hoặc đạt môn AV400

Các mức điểm trong bảng trên là điểm tối thiểu phải đạt từ chứng chỉ TOEIC (Listening & Reading) hoặc các chứng chỉ tương đương khác được quy định tại mục 4.

b) Quy định về kỹ năng tiếng Anh:

- Chuẩn tiếng Anh nhận LVTN chấp nhận các chứng chỉ tiếng Anh 2 kỹ năng và chứng chỉ tiếng Anh 4 kỹ năng.

- Chuẩn tiếng Anh xét tốt nghiệp (*Áp dụng cho bậc đại học chính quy từ khóa 2013 trở đi*): phải đạt 4 kỹ năng (Reading, Listening, Speaking, Writing)

+ Các chứng chỉ tiếng Anh 4 kỹ năng được chấp nhận: TOEFL iBT, IELTS, KET, PET, FCE, CAE, VNU-EPT

+ Các chứng chỉ tiếng Anh 2 kỹ năng (Listening & Reading) TOEIC, TOEFL ITP, BULATS được chấp nhận với điều kiện phải đạt thêm một trong các chứng chỉ sau:

* Chứng chỉ Speaking & Writing (với mức Đạt) của Trung tâm Ngoại ngữ của Trường Đại học Bách Khoa (*chỉ áp dụng từ khóa 2013 đến khóa 2020*)

* Chứng chỉ TOEIC Speaking & Writing với mức điểm tối thiểu là 200

* Chứng chỉ BULATS Speaking & Writing với mức điểm tối thiểu là 6.0

c) Các trường hợp khác:

- Các SV đã tốt nghiệp đại học ngành tiếng Anh được xem là đạt chuẩn tiếng Anh để xét nhận LVTN và xét tốt nghiệp.

- Đối với các SV Lào và Campuchia, không có yêu cầu về chuẩn ngoại ngữ khi nhận LVTN và xét tốt nghiệp (theo công văn 7500/BGDĐT-GDDH ngày 15/10/2013).

- Các trường hợp đặc biệt khác sẽ do Hiệu trưởng quyết định.

4. Chuyển điểm các môn ngoại ngữ và bảng quy đổi tương đương các chứng chỉ

SV đạt yêu cầu được đăng ký chuyển điểm các môn Anh văn, Pháp văn như sau (*xem hướng dẫn cách đăng ký nộp chứng chỉ ngoại ngữ và cách đăng ký chuyển điểm cho các môn ngoại ngữ trên trang web PĐT*).

a) Các môn Anh văn:

- Bảng quy đổi tương đương và chuyển điểm áp dụng từ HK1/2016-2017

Các chứng chỉ Anh văn quốc tế									VNU-EPT	Các môn Anh văn			
TOEIC Listening & Reading	TOEFL ITP	TOEFL iBT	IELTS	BULATS	KET	PET	FCE	CAE		AV1	AV2	AV3	AV4
300	400	32	3.0	20						5	/	/	/
310	403	32	/	22						5.5	/	/	/
320	407	33	/	24						6	/	/	/
330	410	34	/	26			Level B1			6.5	/	/	/
340	413	34	/	28	Pass	Pass	Level B1	Level B2	218	7	/	/	/

- Trường hợp đã tốt nghiệp đại học chuyên ngành tiếng Anh

Các sinh viên đã tốt nghiệp đại học ngành tiếng Anh được miễn và chuyển điểm 10 cho 4 môn Anh văn.

b) Các môn Pháp văn:

+ DELF B1, B2: quy đổi 10 điểm cho các môn Pháp văn 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7

+ DELF A2: quy đổi 10 điểm cho các môn Pháp văn 1, 2

+ Tú tài Pháp: quy đổi 10 điểm cho các môn Pháp văn 1, 2

Các trường hợp đặc biệt khác sẽ do Hiệu trưởng quyết định."

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ học kỳ 3 năm học 2017-2018. Các quy định trước đây trái với quy định này đều bị bãi bỏ.

Điều 3. Trưởng các phòng ban, Trưởng khoa, Giám đốc trung tâm đào tạo và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- + Các đơn vị (trường ĐHBK)
- + ĐHQG Tp.HCM (để báo cáo)
- + Lưu (VT, PĐT)

GS. TS Vũ Đình Thành